

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:37/2024/ HNGĐ-ST

Ngày: 25-04-2024

V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Tăng Văn Chiến

2/- Ông Tô Hùng Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên- kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 03 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc P trình bày: Chị Nguyễn Ngọc P và anh Huỳnh Ngọc Đ xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chị P và anh Đ có 03 (ba) con chung tên: Huỳnh Ngọc Đ1, sinh ngày 09/06/2001; Huỳnh Kim Đ2, sinh ngày 09/06/2001; Huỳnh Cao Đ3, sinh ngày 13/01/2009. Hiện cháu Đ1 và cháu Đ2 đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Đ3 đang sống cùng với chị P.

Về tài sản chung: Chị P và anh Đ đã thống nhất thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị P và anh Đ là do anh Đạo có người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay.

Nay, chị Nguyễn Ngọc P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc Đ; Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là cháu Huỳnh Cao Đ3, sinh ngày 13/01/2009, không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị P và anh Đ đã thống nhất thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị P không còn có yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn là anh Huỳnh Ngọc Đ trình bày: Anh thống nhất theo trình bày của chị Nguyễn Ngọc P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay trước yêu cầu của chị P thì anh Đ đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Ngọc P; Về con chung: Đồng ý giao con chung là cháu Huỳnh Cao Đ3, sinh ngày 13/01/2009 cho chị Nguyễn Ngọc P tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung: Anh Đ và chị P đã thống nhất thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh Đạo không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Ngọc P và anh Huỳnh Ngọc Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Cao Đ3, sinh ngày 13/01/2009 cho chị Nguyễn Ngọc P tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Ngọc P không yêu cầu.

Anh Huỳnh Ngọc Đ được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí: Chị Nguyễn Ngọc P phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc P khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Huỳnh Ngọc Đ, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Huỳnh Ngọc Đ có nơi cư trú tại Ấp S, xã K, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Ngọc P có mặt; anh Huỳnh Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên, anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh Đ thống nhất xác định chị P và anh Đ xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, chị P và anh Đ do thường xuyên xung đột, cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, chị P và anh Đ đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm. Trong suốt quá trình xét xử vụ án, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị P, đồng thời, chị P và anh Đ đều không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị P và anh Đ không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh Đ không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, nên không công nhận chị Nguyễn Ngọc P và anh Huỳnh Ngọc Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị P và anh Đ có 03 (ba) con chung tên: Huỳnh Ngọc Đ1, sinh ngày 09/06/2001; Huỳnh Kim Đ2, sinh ngày 09/06/2001; Huỳnh Cao Đ3, sinh ngày 13/01/2009. Hiện cháu Đ1 và cháu Đ2 đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Còn cháu Đ3 đang sống cùng với chị P. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi cháu Đ3, anh Đ cũng đồng ý giao cháu Đ3 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“ 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về

mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Xét thấy, trong vụ án này chị P và anh Đ đã thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể: Chị P có nguyện vọng được nuôi cháu Đ3, anh Đ cũng đồng ý giao cháu Đ3 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác, tại thời điểm giải quyết, cháu Đ3 đã đủ 07 tuổi trở lên, nên cần phải xem xét nguyện vọng của cháu Đ3 để giao cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu Đ3 (BL 36) cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị P. Đồng thời, cháu Đ3 hiện đang sống ổn định cùng với chị P. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu Đ3, đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu Đ3, nên cần tiếp tục giao cháu Đ3 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị P không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị P và anh Đ thống nhất xác định đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị P và anh Đ thống nhất xác định không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[8] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Ngọc P và anh Huỳnh Ngọc Đ là vợ chồng.

2/- Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Cao Đ3, sinh ngày 13/01/2009 cho chị Nguyễn Ngọc P tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Ngọc P không yêu cầu.

Anh Huỳnh Ngọc Đ được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Ngọc P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005359 ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Mỹ Xuyên

